

DÒNG TIỀN SỤT GIẢM MẠNH

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

MUA	Nhà đầu tư cần thận trọng trong việc giải ngân vào thị trường trong giai đoạn này khi vùng cân bằng chưa được xác lập.
BÁN	NDT duy trì trạng thái nắm giữ cổ phiếu nhưng lưu ý quản trị rủi ro cho các vị thế ngắn hạn trong danh mục nếu VN-Index giảm xuống dưới các vùng hỗ trợ 1.235-1.240 điểm.

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

TCB

MUA

↑ 9,81%

VND26.300

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall tăng điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Tư (8/1), dù nhà đầu tư một lần nữa phải đánh giá lại khả năng cắt giảm lãi suất trong năm 2025 của Fed.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Chỉ số VN-Index tạo cây nến xanh rút chân phục hồi kèm thanh khoản sụt giảm mạnh so với phiên giao dịch hôm qua, cho thấy lực cung bán đã có phần chững lại và xuất hiện lực cầu phản ứng tại ngưỡng hỗ trợ 1240 điểm. Rủi ro hiện nay vẫn chủ yếu là áp lực tỷ giá khi chỉ số DXY và lợi suất trái phiếu Mỹ tiếp tục tăng do lo ngại lạm phát và kỳ vọng Fed sẽ không giảm lãi suất mạnh trong năm 2025. Về kỹ thuật, chỉ số sẽ tiếp tục bị chi phối bởi áp lực bán tại vùng giá 1.250-1.255 điểm, hỗ trợ hiện tại là ngưỡng 1.240-1.243 điểm.

Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	42.635,20	0,25	0,21
S&P 500	5.918,25	0,16	0,62
Nasdaq	19.478,88	-0,06	0,87
VIX	17,70	-0,67	2,02
DAX	20.329,94	-0,05	2,11
FTSE 100	8.251,03	0,07	0,95
CAC40	7.452,42	-0,49	0,97
Hang Seng	19.279,84	-0,86	-3,89

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	SELL	BUY	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	44,28	SELL
MACD (12,26)	-0,42	NEUTRAL
ADX (14)	14,46	SELL
SMA5	1.253,72	SELL
SMA20	1.262,75	SELL
SMA50	1.252,41	SELL
SMA100	1.263,19	SELL
SMA200	1.259,57	SELL

ĐIỂM TIN CHÍNH

- Lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ giằng co ở mức cao trong suốt phiên giao dịch ngày thứ Tư, phản ánh tâm lý lo ngại rằng Fed sẽ giảm lãi suất ít đi trong năm 2025. Có thời điểm, lợi suất của kỳ hạn 10 năm đạt 4,73%, mức cao nhất kể từ cuối tháng 4 năm ngoái.
- Giá vàng tăng lên mức cao nhất trong gần 4 tuần vào ngày thứ Tư (08/01), saubáo cáo việc làm khu vực tư nhân yếu hơn dự báo trong tháng 12/2024.
- Trên thị trường năng lượng, giá dầu thô Brent giao tháng 3 tại London giảm 0,89 USD/thùng, tương đương giảm 1,2%, còn 76,16 USD/thùng. Giá dầu WTI giao tháng 2 tại New York giảm 0,93 USD/thùng, tương đương giảm 1,3%, còn 73,32 USD/thùng.
- Theo Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình, năm 2025 phấn đấu tốc độ tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt trên 8% hoặc 10% trong điều kiện thuận lợi, tạo đà, tạo lực, tạo thế, tạo niềm tin cho tăng trưởng hai con số trong giai đoạn 2026 - 2030.
- Theo thống kê của FiinTrade, nhà đầu tư cá nhân chiếm đến hơn 80% giá trị giao dịch toàn thị trường và là động lực chính cho sự hồi phục thanh khoản trong năm 2024 khi giá trị giao dịch của nhóm này tăng 22,7%. Nhóm này đã mua ròng tổng cộng hơn 77,7 nghìn tỷ đồng trên HoSE trong đó hơn 66 nghìn tỷ đồng qua khớp lệnh.
- CTG:** Trong năm 2024, VietinBank ghi nhận lợi nhuận đạt và vượt kế hoạch đã được thông qua. Đồng thời, dư nợ tín dụng của ngân hàng tăng trưởng 16,88% so với năm 2023. Mức tăng trưởng tín dụng của VietinBank trong năm nay cao hơn hai đại diện còn lại trong nhóm Big4 là BIDV (15,3%) và Agribank (11%).
- BID:** Ngân hàng BIDV đã công bố lợi nhuận trước thuế riêng lẻ năm 2024 đạt 30.006 tỷ đồng (tương đương hơn 1,1 tỷ USD), tăng 12,4% so với cùng kỳ năm trước. BIDV cho biết lợi nhuận trước thuế Khối Công ty con đạt 1.253 tỷ đồng, Khối Liên doanh ở mức 1.362 tỷ đồng.
- BID:** Ngân hàng BIDV chào bán riêng lẻ 123,8 triệu cổ phiếu BID, 5 quỹ đầu tư đã đăng ký mua vào hàng triệu cổ phiếu, trong đó Vietnam Enterprise Investments Limited (VEIL) chiếm khối lượng lớn nhất.
- NLG:** Nam Long cho biết trong quý 4/2024 đã thực hiện bàn giao vượt kế hoạch dự án Akari (hơn 1,400 căn) và Cần Thơ, qua đó giúp doanh thu và lợi nhuận tăng đột biến so với các quý trước. Điều này cũng giúp cho doanh thu và lợi nhuận ròng cả năm 2024 đạt kế hoạch đề ra (506 tỷ đồng).

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2,659,17	-0,10	1,32
Dầu WTI	73,03	-0,40	1,83
Dầu Brent	75,90	-0,34	1,69
Than	117,45	-0,72	-6,23
Đồng	9.031,50	0,32	3,01
Quặng sắt	94,20	0,50	-10,14
Thép	456,00	-0,87	-4,15

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	108,999	-0,08	0,47
USD/JPY	158,12	0,15	-0,58
USD/CNY	7,3317	-0,05	-0,44
EUR/USD	1,0317	-0,01	-0,36
GBP/USD	1,2361	-0,02	-1,24

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	4,75%	18/12/2024	-0,25
ECB	3,40%	12/12/2024	-0,25
BOE	4,75%	19/12/2024	-0,25
BOJ	0,25%	19/12/2024	0,15
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
STB	222,95	36.700	-0,54
FPT	576,71	148.300	-1,20
HPG	338,19	26.250	0,77
SSI	224,77	24.700	0,61
DXG	183,24	15.000	3,45

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	516.432,03	92.400	0,11
BID	278.314,74	40.350	-0,12
FPT	218.159,56	148.300	-1,20
CTG	202.985,69	37.800	0,93
HPG	167.901,57	26.250	0,77

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

TCB

Khuyến nghị
Giá hiện tại
Giá mục tiêu
Tiềm năng tăng giá
Vùng giải ngân
Ngưỡng cắt lỗ
MUA
23.950
26.300
9,81%
23.500-23.900
<22.700

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Lũy kế 9 tháng, tổng lợi nhuận trước thuế 9 tháng vẫn đạt 22.842 tỷ đồng, tăng 34% so với cùng kỳ năm trước, đây là mức lợi nhuận 9 tháng cao nhất mà Techcombank từng ghi nhận. Tại thời điểm 30/9/2024, tổng tài sản của Techcombank đạt 927.100 tỷ đồng, tăng 9% so với đầu năm. Tín dụng tăng trưởng 17%, đạt 622.100 tỷ đồng.
- Vị thế vốn của Techcombank vẫn được duy trì mạnh mẽ, với tỷ lệ cho vay trên tiền gửi (LDR) là 82,2% tại 30.09.2024, dưới mức trần 85% theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- TCB đang duy trì xu hướng tăng ngắn và trung hạn. Các chỉ báo kỹ thuật đang ủng hộ xu hướng tăng tiếp diễn của cổ phiếu. Nhà đầu tư có thể canh các nhịp điều chỉnh để giải ngân đối với cổ phiếu TCB, vùng mua dự kiến quanh ngưỡng 23.500-23.900 đồng.

Thông tin tài chính

	FY2022	FY2023	Q3 2024
DTT (tỷ đ)	40.527	40.061	11.754
LNTT (tỷ đ)	25.568	22.888	7.214
LNST (tỷ đ)	20.436	18.191	5.793
Nợ/VCSH (%)	178	181	0
ROE (%)	19,67	14,80	16,81
ROA (%)	3,18	2,33	2,64
EPS (VNĐ)	2.863	2.552	3.207
P/E (lần)	4,5	6,2	7,61
P/B (lần)	0,81	0,86	1,20

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	BUY	BUY	BUY
Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động	
RSI (14)	49,45	BUY	
MACD (12,26)	0,03	BUY	
ADX (14)	26,81	BUY	
SMA5	23.830	BUY	
SMA20	24.130	SELL	
SMA50	23.730	BUY	
SMA100	23.580	BUY	
SMA200	23.320	BUY	

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										
1	DPM	Nắm giữ	34-35,5	25/11/2024	35,2	38	33			-1,85%
2	HPG	Nắm giữ	26-26,5	5/12/2024	26,5	29	25,2			-0,94%
3	VPB	Mua	18,8-19	17/12/2024	19	20,5	17,9			-0,79%
4	TCB	Nắm giữ	23,5-23,9	19/12/2024	23,8	26,3	22,7			0,63%
5	SZC	Nắm giữ	41-42	19/12/2024	42	45,8	40			0,24%

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	HCM	Chốt lời	24,5-25,5	15/8/2024	25,5	30,5	23,8	27/8/2024	29,4	15,29%
2	VCI	Cắt lỗ	46-47,1	22/8/2024	46,9	52,5	44,7	10/9/2024	44,7	-4,69%
3	HCM	Chốt lời	27,5-28,3	17/9/2024	28,2	30,5	26,8	20/9/2024	30,9	9,57%
4	MBB	Chốt lời	22,8-23,3	2/8/2024	23,3	26,1	21,8	26/9/2024	25,75	10,52%
5	DBC	Chốt lời	27,4-28,5	21/8/2024	28,3	32,3	27	15/10/2024	31,3	10,60%
6	GVR	Cơ cấu	33,3-34,5	20/8/2024	34,5	38,3	32,5	22/10/2024	35,3	2,32%
7	HAH	Chốt lời	41-42,5	4/11/2024	42,5	46,3	40	8/11/2024	46,3	8,94%
8	MWG	Cắt lỗ	63,5-65,5	17/9/2024	65,5	72,8	61,8	12/11/2024	61,8	-5,65%
9	HCM	Chốt lời	26-27	19/11/2024	27	29,8	25,7	6/12/2024	29,8	10,37%
10	ANV	Chốt lời	17,8-18,1	27/11/2024	18	19,5	17,3	6/12/2024	20,5	13,89%
11	STB	Chốt lời	30,5-31,5	20/11/2024	31,5	34,5	30	18/12/2024	34,2	9,52%
12	VCI	Cơ cấu	32-33,5	26/11/2024	33,5	36,2	31,4	7/1/2025	32,5	-2,99%
13	SSI	Cơ cấu	25,5-26	19/12/2024	25,8	28,6	24,8	7/1/2025	25,35	-1,74%
14	GMD	Cơ cấu	63,8-65	12/11/2024	65	72,2	61,8	7/1/2025	64	-1,54%
15	PVD	Cắt lỗ	23,3-23,6	13/12/2024	23,3	26	22,4	7/1/2025	22,4	-3,86%

Email: Chienluochitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

- Khuyến nghị:**
- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
 - Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Nhóm ngành 10/1/2024		
MICP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Điểm 14	-(-12%)
Chốt lời 1:(50%)	19-19	-13%-18%
Chốt lời 2:(50%)	21-22	-18-37%
MUCP		
	MSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
	(Có thể DCA về 61-62)	
Cắt lỗ	Điểm 59	-(-5%)
Chốt lời 1:(50%)	72-75	-13%-14%
Chốt lời 2:(50%)	Năm giờ	
MIGP		
	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	-(-4%)
Chốt lời 1:(50%)	23-24	-7%-12%
Chốt lời 2:(50%)	25.5-26	-13%-24%

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	190,000
Giá vốn trung bình	43.34
Góc đầu tư	🕒 99,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (dự kiến)	+479,500,200 đ (6.15%)

- Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:**
- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
 - ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
 - MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
 - MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 **Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.**

3

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập
ginlabs.vn/room